

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/220/DS-KDTM

Ngày 9-10-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lục Văn Văn.

2. Bà: Vũ Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Thế Trung -Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2020/TLST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 8 năm 2020 và theo các Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2020 và số 10/2020/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02, đường L, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th-Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thanh H-Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng N, chi nhánh K. Theo Quyết định ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Địa chỉ: Lô K13, đường D3 (Ngô Sỹ L), khu công nghiệp thương mại K, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X.

Địa chỉ: Lô 30, đường Th, khu công nghiệp B, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hồng L-Chức vụ: Giám đốc.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Hợp tác xã T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đàm Hữu T-Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số nhà 127, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Nh-Chức vụ phó giám đốc công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X.

Địa chỉ: Lô 30, đường Th, khu công nghiệp B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng N-chỉ nhánh ngân hàng N thành phố L (nay đã chuyển về giao dịch tại Ngân hàng N chi nhánh K nay đổi tên thành Ngân hàng N chi nhánh K L II) với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (nay đổi tên thành Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X) ký các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số 8812LAV201900171 ngày 8 tháng 5 năm 2019, số tiền vay là 15.000.000.000 đồng (Mười năm tỷ đồng), thời hạn trả nợ gốc lãi được hai bên thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng, mức lãi suất cho vay được thỏa thuận tại từng lần nhận nợ theo biểu lãi suất tại từng thời điểm nhận nợ, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày 8 tháng 5 năm 2019, mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

Theo giấy nhận nợ số 8812LDS 201901431 ngày 19 tháng 11 năm 2019, hạn trả ngày 19 tháng 5 năm 2019, số tiền nhận nợ là 3.969.000.000 đồng (Ba tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu đồng). Dư nợ tại thời điểm ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 3.969.000.000 đồng (Ba tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu đồng).

Theo giấy nhận nợ số 8812LDS201901382 ngày 12 tháng 11 năm 2019, hạn trả 12 tháng 5 năm 2019, số tiền nhận nợ là 3.300.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm triệu đồng chẵn). Dư nợ tại thời điểm ngày 29 tháng 4 năm 2019, số tiền là 3.300.000.000đ (Ba tỷ ba trăm triệu đồng).

Theo giấy nhận nợ số 8812LDS201901433 ngày 20 tháng 11 năm 2019, hạn trả 20 tháng 5 năm 2020, số tiền nhận nợ là 4.326.000.000 đồng (Bốn tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu đồng). Dư nợ tại thời điểm ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 4.326.000.000 đồng (Bốn tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Theo giấy nhận nợ số 8812LDS201901413 ngày 18 tháng 11 năm 2019, hạn trả 18 tháng 5 năm 2020, số tiền nhận nợ là 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm triệu đồng).

Hợp đồng thứ hai: Hợp đồng tín dụng số 8802LAV201501423 ngày 28 tháng 12 năm 2015, số tiền vay là 6.144.000.000 đồng (Sáu tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu đồng), thời hạn trả nợ gốc lãi được hai bên thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng, mức lãi suất cho vay được thỏa thuận tại từng lần nhận nợ theo biểu lãi suất tại từng thời điểm nhận nợ, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn,

mục đích vay vốn là xây dựng xưởng chế biến nông lâm sản giai đoạn 2-Hạng mục nhà trưng bày sản phẩm.

Theo giấy nhận nợ số 8802LDS 201600001, số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) ngày 3 tháng 02 năm 2016, hạn trả ngày 28 tháng 01 năm 2017. Số tiền trả gốc đến ngày 26 tháng 02 năm 2019, số tiền là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Theo giấy nhận nợ số 8812LDS201600521 ngày 03 tháng 02 năm 2015, số tiền là 2.030.800.000 đồng (Hai tỷ không trăm ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng), hạn trả ngày 28 tháng 01 năm 2017. Số tiền trả gốc đến ngày 26 tháng 02 năm 2019, số tiền là 1.224.480.000 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 812.320.000 đồng (Tám trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Theo giấy nhận nợ số 812LDS201503822 ngày 29 tháng 12 năm 2015 số tiền là 2.113.200.000 đồng (Hai tỷ một trăm mười ba triệu hai trăm nghìn đồng), hạn trả ngày 28 tháng 01 năm 2017. Số tiền trả gốc là 1.267.920.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Dư nợ gốc đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 845.280.000 đồng (Tám trăm bốn mươi năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Hợp đồng tín dụng thứ ba: Hợp đồng tín dụng số 8802LAV201401150 ngày 18 tháng 12 năm 2014, số tiền vay là 13.064.800.000 đồng (Mười ba tỷ không trăm sáu mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng), thời hạn trả nợ gốc lãi được hai bên thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng, mức lãi suất cho vay được thỏa thuận tại từng lần nhận nợ theo biểu lãi suất tại từng thời điểm nhận nợ, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, mục đích vay vốn là xây dựng nhà kho, xưởng chứa hàng, chế biến nông, lâm sản, phương tiện vận chuyển hàng hóa.

Theo giấy nhận nợ số 8802LDS201412398 ngày 18 tháng 12 năm 2014, số tiền vay là 4.200.000.00 đồng (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng), hạn trả ngày 18 tháng 12 năm 2015. Số tiền trả gốc là 3.360.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng).

Theo giấy nhận nợ số 8802LDS 201412410 ngày 19 tháng 12 năm 2014, số tiền vay là 577.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn), hạn trả ngày 18 tháng 12 năm 2015. Số tiền trả gốc là 461.600.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 115.400.000 đồng (Một trăm mười năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Theo giấy nhận nợ số 8802LDS 201412480 ngày 26 tháng 12 năm 2014, số tiền vay là 749.694.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng), hạn trả ngày 18 tháng 12 năm 2015. Số tiền trả gốc là 599.756.000 đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 149.938.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Theo giấy nhận nợ số 8802LDS 201412585 ngày 31 tháng 12 năm 2014, số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), hạn trả ngày 18 tháng 12 năm 2015. Số tiền trả gốc là 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Dư nợ đến ngày 08 tháng 4 năm 2020, số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Theo giấy nhận nợ số 8802LDS 201500107 ngày 12 tháng 01 năm 2015, số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), hạn trả ngày 18 tháng 12 năm 2015. Số tiền trả gốc đến ngày 25 tháng 02 năm 2019, số tiền là 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Theo giấy nhận nợ số 8802LDS 201500158 ngày 14 tháng 01 năm 2015, số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), hạn trả ngày 18 tháng 12 năm 2015. Số tiền trả gốc đến ngày 28 tháng 12 năm 2018, số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Theo giấy nhận nợ số 8802LDS 201500346 ngày 30 tháng 01 năm 2015, số tiền vay là 814.000.000 đồng (Tám trăm mười bốn triệu đồng), hạn trả ngày 01 tháng 02 năm 2016. Số tiền trả gốc là 611.200.000 đồng (Sáu trăm mười một triệu hai trăm nghìn đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 162.800.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Theo giấy nhận nợ số 8802LDS 201500507 ngày 11 tháng 02 năm 2015, số tiền vay là 624.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi bốn triệu đồng), hạn trả ngày 18 tháng 12 năm 2015. Số tiền trả gốc đến ngày 25 tháng 02 năm 2019, số tiền là 499.200.000 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 124.800.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Hợp đồng tín dụng thứ bốn: Hợp đồng tín dụng số 8812LAV 201600639 ngày 21 tháng 12 năm 2016, số tiền vay là 2.160.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ gốc lãi được hai bên thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng, mức lãi suất cho vay được thỏa thuận tại từng lần nhận nợ theo biểu lãi suất tại từng thời điểm nhận nợ, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, mục đích vay vốn là mua ô tô nhãn hiệu Audi A7 3.0. Số tiền trả gốc đến ngày 01 tháng 7 năm 2019, số tiền là 1.080.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2019, số tiền là 1.080.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng).

Hợp đồng tín dụng thứ năm: Hợp đồng tín dụng số 8802LAV 201500112 ngày 22 tháng 01 năm 2015, số tiền vay là 4.225.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm hai mươi năm triệu đồng), thời hạn trả nợ gốc lãi được hai bên thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng, mức lãi suất cho vay được thỏa thuận tại từng lần nhận nợ theo biểu lãi suất tại từng thời điểm nhận nợ, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, mục đích vay vốn mua xe đầu kéo phục vụ kinh doanh.

Theo giấy nhận nợ số 8801LDS201500269 ngày 22 tháng 01 năm 2015, số tiền 2.625.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng). Số tiền trả gốc đến ngày 26 tháng 02 năm 2019, số tiền là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm

triệu đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 262.500.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Theo giấy nhận nợ số 8812LDS201500987 ngày 08 tháng 4 năm 2015, số tiền vay là 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), ngày trả 22 tháng 8 năm 2015. Số tiền trả gốc đến ngày 29 tháng 8 năm 2019, số tiền là 1.440.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Hợp đồng tín dụng thứ sáu: Hợp đồng tín dụng số 8802LAV 201500454 ngày 14 tháng 4 năm 2015, số tiền vay là 3.780.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ gốc lãi được hai bên thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng, mức lãi suất cho vay được thỏa thuận tại từng lần nhận nợ theo biểu lãi suất tại từng thời điểm nhận nợ, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, mục đích vay vốn là mua 02 xe đầu kéo, 02 sơ mi rơ móc phục vụ kinh doanh.

Kỳ trả nợ ngày 14 tháng 4 năm 2016 đến ngày 26 tháng 02 năm 2019. Số tiền trả gốc là 3.024.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm hai mươi bốn triệu đồng). Dư nợ đến ngày 29 tháng 4 năm 2020, số tiền là 756.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Để đảm bảo cho các khoản vay Hợp tác xã T đã ký hợp đồng thế chấp thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê hình thành trong tương lai để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ ba số 201217/HĐTC ngày 26 tháng 12 năm 2017. Tài sản cụ thể như sau: Xưởng sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy thiết bị công trình và kho chứa hàng nông sản xuất khẩu xây trên quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm theo giấy chứng nhận số CC478392 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp ngày 21 tháng 12 năm 2015, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CT03828, thời hạn đất thuê đến ngày 10 tháng 02 năm 2065 là: Nhà kho diện tích 978m², nhà văn phòng diện tích 114m², sân bê tông 2.670,2m², nhà để xe diện tích 51m², nhà bảo vệ diện tích 12m², hàng rào gạch 108m, bể nước ngầm diện tích 15,3m², kè đá khối lượng 108m, rãnh thoát nước khối lượng 108m, san lấp mặt bằng diện tích 2.929,2m².

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X đã ký hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/XPKT/HĐTC ngày 21 tháng 12 năm 2016; Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 02/XPKT/PLHĐTC ngày 23 tháng 5 năm 2017. Tài sản cụ thể như sau: 01 chiếc xe ô tô Audi sản xuất năm 2016, màu trắng, biển kiểm soát số 24A-088.65, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020708 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2017.

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê số 171215/XP/HĐTC ngày 24 tháng 12 năm 2015, Hợp đồng sửa đổi-bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê số 01/HĐSĐBS ngày 3 tháng 10 năm 2017; Văn bản thỏa thuận sửa đổi-bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/XPKT/PLHĐTC ngày 11 tháng 12 năm 2017. Tài sản cụ thể như sau: Xưởng chế biến nông, lâm sản xây dựng trên đất thuê trả tiền hàng năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số BB021651 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp ngày 27 tháng 5 năm 2011, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CT00485, thời hạn đất thuê đến hết tháng 01 năm

2061, diện tích đất là 9.377,7m² bao gồm các hạng mục: Nhà làm việc Hải quan diện tích là 112,5m², nhà kho + xưởng diện tích là 3.086,1m², sân đường giao thông + kè đá diện tích là 3.072,9m², các hạng mục phụ trợ nhà bảo vệ diện tích xây dựng 9m², nhà để xe diện tích xây dựng 65m², trạm cân điện tử, hệ thống phòng cháy chữa cháy.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng về việc thanh toán nợ gốc và lãi suất, cụ thể: Tính đến hết ngày 08 tháng 4 năm 2020, tổng dư nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh là 22.646.137.643 đồng (Hai mươi hai tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng), trong đó nợ gốc số tiền là 21.824.038.000 đồng (Hai mươi một tỷ tám trăm hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng), nợ lãi trong hạn số tiền là 807.141.148 đồng (Tám trăm không bảy triệu một trăm bốn mươi một nghìn một trăm bốn mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn số tiền là 14.958.495 đồng (Mười bốn triệu chín trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi năm đồng).

Đến ngày 9 tháng 6 năm 2020, Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X đã trả được nợ gốc số tiền là 686.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi sáu triệu đồng) tất toán của Hợp đồng tín dụng số 8812LAV 201600639 ngày 21 tháng 12 năm 2016, số tiền trả nợ là 1.080.000.000 đồng tiền gốc (Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng) và trả một phần dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 8812LAV201900171 ngày 08 tháng 5 năm 2019, số tiền trả nợ là 686.000.000 đồng tiền gốc (Sáu trăm tám mươi sáu triệu đồng) và giải chấp tài sản chiếc xe ô tô thế chấp.

Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X phải trả số tiền nợ gốc là 19.993.038.000 đồng (Mười chín tỷ chín trăm chín mươi ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng), lãi suất tính đến hết ngày 10 tháng 8 năm 2020, số tiền lãi trong hạn là 1.282.763.005 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn không trăm linh năm đồng), số tiền nợ lãi quá hạn là 53.495.470 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm chín mươi năm nghìn bốn trăm bảy mươi đồng), tổng cộng số tiền là 21.329.296.475 (Hai mươi một tỷ ba trăm hai mươi chín triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi năm đồng). Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N.

Trường hợp Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X theo Hợp đồng thế chấp số 171215/XP/HĐTC ngày 24 tháng 12 năm 2015 và xử lý tài sản bảo đảm của Hợp tác xã T theo Hợp đồng thế chấp số 201217/HĐTC ngày 26 tháng 12 năm 2017 để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nh trình bày:

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X, xác nhận nội dung trong các bản hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, quá trình thực hiện hợp đồng, số nợ gốc, lãi suất như nguyên đơn đã trình bày là hoàn toàn chính xác, Công ty sẽ có nghĩa vụ thanh toán số tiền tính đến hết ngày 10 tháng 8 năm 2020, số tiền là 21.329.296.475 đồng (Hai mươi một tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu hai trăm chín sáu nghìn bốn trăm bảy mươi năm đồng), trong đó nợ gốc số tiền là 19.993.038.000 đồng (Mười chín tỷ chín trăm chín mươi ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng), nợ lãi trong hạn số tiền là 1.282.763.005 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn không trăm linh năm đồng), nợ lãi quá hạn số tiền là 53.495.470 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm chín mươi năm nghìn bốn trăm bảy mươi đồng). Hiện nay Công ty gặp nhiều khó khăn chưa có tiền trả, đề nghị được miễn toàn bộ số tiền lãi nêu trên, về số tiền nợ gốc là 19.993.038.000 đồng được thanh toán dần theo phương thức mỗi quý thanh toán số tiền số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) trả 01 lần/quý, nếu có nguồn thu khác Công ty sẽ thanh toán theo khả năng thu nhập.

Đối với tài sản của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X và Hợp tác xã T thế chấp tại Ngân hàng là đúng. Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Công ty và Hợp tác xã T đồng ý bàn giao toàn bộ tài sản theo các Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê hình thành trong tương lai để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ ba số 201217/HĐTC ngày 26 tháng 12 năm 2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê số 171215/XP/HĐTC ngày 24 tháng 12 năm 2015, tuy nhiên phía Công ty và Hợp tác xã T chỉ đồng ý bàn giao là tài sản gắn liền trên đất, không bàn giao quyền sử dụng đất, vì lý do Quyền sử dụng đất theo 02 hợp đồng thế chấp nêu trên là đất doanh nghiệp thuê của nhà nước, thời hạn thuê 50 năm.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X phải trả khoản tiền vay gốc và lãi tính đến thời gian xét xử ngày 9 tháng 10 năm 2020, số tiền là 19.993.038.000 đồng (Mười chín tỷ chín trăm chín mươi ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng), lãi suất trong hạn theo từng hợp đồng là 1.584.522.717 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu năm trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm mười bảy đồng), lãi quá hạn theo từng hợp đồng số tiền là 80.757.909 đồng (Tám mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm không chín đồng), tổng cộng số tiền là 21.658.136.626 đồng (Hai mươi một tỷ sáu trăm năm mươi tám triệu một trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng), Ngân hàng cam kết xem xét giảm lãi suất cho Công ty theo quy định và không nhất trí nội dung đề xuất khác của Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác nhận khoản nợ, tuy nhiên Công ty đang khó khăn vì đầu tư xây thêm tài sản nên còn nợ các nhà đầu tư, do đó khi ủy quyền bàn giao tài sản của Công ty và thông báo cho các nhà đầu tư thì Công ty bị ảnh hưởng uy tín, đề nghị Ngân hàng giảm lãi suất, kéo dài thời gian đến hết quý I năm 2021 thì Công ty sẽ thực hiện nghĩa vụ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 117; Điều 335; Điều 336; khoản 1 Điều 339; Điều 342; Điều 463 và khoản 1 Điều 446 của Bộ luật dân sự. Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Buộc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X phải trả số tiền tính đến hết ngày 9 tháng 10 năm 2020, số tiền nợ gốc là 19.993.038.000 đồng (Mười chín tỷ chín trăm chín mươi ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng), lãi suất trong hạn theo từng hợp đồng là 1.584.522.717 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu năm trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm mười bảy đồng), lãi quá hạn theo từng hợp đồng số tiền là 80.757909 đồng (Tám mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm không chín đồng), tổng cộng số tiền là 21.658.136.626 đồng (Hai mươi một tỷ sáu trăm năm mươi tám triệu một trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng) và phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2020, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng N. Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp.

Tuyên án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến yêu cầu xem xét vấn đề gì về thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng N có đơn khởi kiện Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X trả nợ theo các hợp đồng tín dụng số 8812LAV201900171 ngày 8 tháng 5 năm 2019, Hợp đồng số 8802LAV201501423 ngày 28 tháng 12 năm 2015, Hợp đồng số 8802LAV201401150 ngày 18 tháng 12 năm 2014, Hợp đồng số 8802LAV201500112 ngày 22 tháng 01 năm 2015, Hợp đồng số 8802LAV201500454 ngày 14 tháng 4 năm 2015, Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X có địa chỉ tại Lô 30, đường Th, khu công nghiệp B, phường D, thành

phố L, tỉnh Lào Cai. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng như đã nêu trên, giữa Ngân hàng N chi nhánh K L II với Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X. Nội dung của hợp đồng tín dụng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật dân sự và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.2] Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X trong quá trình thực hiện hợp đồng đã thanh toán một phần khoản tiền vay gốc và lãi suất thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mà các bên đã ký kết. Tính đến ngày 9 tháng 10 năm 2020, Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X còn nợ gốc số tiền là 19.993.038.000 đồng (Mười chín tỷ chín trăm chín mươi ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng), lãi suất trong hạn theo từng hợp đồng là 1.584.522.717 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu năm trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm mười bảy đồng), lãi quá hạn theo từng hợp đồng số tiền là 80.757.909 đồng (Tám mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm không chín đồng), tổng cộng số tiền là 21.658.136.626 đồng (Hai mươi một tỷ sáu trăm năm mươi tám triệu một trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10 tháng 7 năm 2020 xác định: Tài sản thế chấp của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X là tài sản gắn liền với đất thuê hình thành trong tương lai để đảm bảo nghĩa vụ là nhà xưởng-Địa chỉ lô số 30, đường Th, cụm khu công nghiệp B, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai và tài sản thế chấp của Hợp tác xã T là tài sản gắn liền với đất thuê hình thành trong tương lai để đảm bảo nghĩa vụ là nhà xưởng-Địa chỉ lô số 22, đường Th, cụm khu công nghiệp B, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

[3.3] Căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê hình thành trong tương lai để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ ba số 201217/HĐTC 201217/HĐTC ngày 26 tháng 12 năm 2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê số 171215/XP/HĐTC ngày 24 tháng 12 năm 2015 đã ký kết với Ngân hàng N. Nay Ngân N yêu cầu trong trường hợp Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X, Hợp tác xã T có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ cho Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X. Xét các hợp đồng thế chấp này trên cơ sở các bên ký kết tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ theo các quy định pháp luật tại các Điều 335, 336, khoản 1 Điều 339 và Điều 342 Bộ luật dân sự nên hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5.] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X phải chịu số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng không yêu cầu tính lãi suất chậm thi hành án khoản tiền chi phí này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 117; Điều 335; Điều 336; khoản 1 Điều 339; Điều 342; Điều 463 và khoản 1 Điều 446 của Bộ luật dân sự. Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Buộc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền tính đến hết ngày 9 tháng 10 năm 2020, số tiền nợ gốc là 19.993.038.000 đồng (Mười chín tỷ chín trăm chín mươi ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng), lãi suất trong hạn theo từng hợp đồng là 1.584.522.717 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu năm trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm mười bảy đồng), lãi quá hạn theo từng hợp đồng số tiền là 80.757.909 đồng (Tám mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm không chín đồng), tổng cộng số tiền là 21.658.136.626 đồng (Hai mươi một tỷ sáu trăm năm mươi tám triệu một trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

Trường hợp Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng N. Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X và Hợp tác xã T theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ, tài sản thế chấp cụ thể:

Tài sản là 01 Cổng cửa ra vào làm bằng sắt; 01 Nhà xây diện tích 9m²; 01 Nhà xây cấp 4, diện tích 114m², mái lợp tôn; 01 Nhà bán mái, khung thép sử dụng để xe; 01 Nhà xây diện tích 3.037m², tường bao quanh cao 3m, khung sắt, mái lợp tôn; 01 Trạm cân điện tử; Các hạng mục phụ trợ sân, đường nội bộ diện tích 1.800m², hệ thống thoát nước, tường rào nằm trên diện tích đất 9.377,70m², thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, thời hạn sử dụng đất thuê đến hết tháng 01 năm 2061- Địa chỉ thửa đất lô 30, đường Th, cụm công nghiệp B, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT00485 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp ngày 27 tháng 5 năm 2011 mang tên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành

viên X tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê số 171215/XP/HĐTC ngày 24 tháng 12 năm 2015, giữa Ngân hàng N-chi nhánh thành phố L với Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X theo biên xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10 tháng 7 năm 2020.

Tài sản là 01 Nhà xây, diện tích 9m²; 01 Cổng cửa ra vào làm bằng tôn sắt; 01 Nhà xây diện tích 343,42m²; 01 Nhà xây diện tích 343,42m², khung sắt, mái lợp tôn; 01 Nhà xây cấp 4, diện tích 758,6m², mái lợp tôn; 01 Nhà xây diện tích 861,59m², tường gạch bao quanh cao 3m, khung sắt, mái lợp tôn; Công trình phụ trợ đường nội bộ, hệ thống thoát nước, sân bê tông, tường rào diện tích 1.639m² nằm trên diện tích đất 2.929,2m², thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ 02-T11-2014 (490-2-(3)), thời hạn sử dụng đất thuê đến hết ngày 10 tháng 02 năm 2065-Địa chỉ thửa đất lô 22, đường Th, cụm công nghiệp B, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT03828 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp ngày 21 tháng 12 năm 2015 mang tên Hợp tác xã T tại Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê hình thành trong tương lai để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ ba số 201217/HĐTC ngày 26 tháng 12 năm 2017, giữa Ngân hàng N-chi nhánh K L với Hợp tác xã T theo biên xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10 tháng 7 năm 2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X chưa thi hành xong khoản tiền phải trả nêu trên, thì hàng tháng Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2020, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8812LAV201900171 ngày 8 tháng 5 năm 2019, Hợp đồng số 8802LAV201501423 ngày 28 tháng 12 năm 2015, Hợp đồng số 8802LAV201401150 ngày 18 tháng 12 năm 2014, Hợp đồng số 8802LAV201500112 ngày 22 tháng 01 năm 2015, Hợp đồng số 8802LAV201500454 ngày 14 tháng 4 năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc đã được hai bên ký kết tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X phải chịu số tiền là 129.658.100 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn một trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 65.323.000 đồng (Sáu mươi năm triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng) do anh Bùi Trường Gi đã nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AB/2012/0008294 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản, số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Xác nhận Ngân hàng N đã nộp tạm ứng số tiền này, do vậy Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu X phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) .

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP;
- THADS TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Hà